

**TOÀ ÁN NHA DA
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS- ST
Ngày 04/6/2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA DA HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- Các Hội thẩm nhA dA: Bà Lê Thị Thu Hồng.

Ông Ngô Bá Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2011 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122A/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 136A ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Võ Vũ H, sinh 1985; Trú tại: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*** Bị đơn:**

Bùi Thị B, sinh 1977; Trú tại: Ấp Vĩnh H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn A, sinh 1974; Trú tại: Ấp Vĩnh H, xã TA Hội, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ H trình bày: Vào ngày 21/10/2020 tôi có cho vợ chồng chị B, anh A vay số tiền 136.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 01 tháng sau phải trả vốn, mục đích vợ chồng chị B vay để trả nợ Ngân hàng, nhưng đến hạn vợ chồng chị B không đóng lãi cũng không trả vốn. Việc vay tiền vợ chồng chị B có đưa tôi giữ 02 giấy chứng nB quyền sử dụng đất của vợ chồng chị để làm tin cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CH00107 của thửa đất số 239 tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã TA Hội, huyện M do vợ chồng anh A, chị B cùng đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00028 của thửa đất 147 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh, xã An Thạnh do anh A đứng tên quyền sử dụng. Nay yêu cầu chị B, anh A liên đới trả số tiền 136.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Tôi đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng chị B.

Tại phiên tòa bị đơn chị B trình bày: Thừa nhận vợ chồng có vay số tiền 136.000.000 đồng và mức lãi suất các bên thỏa thuận đúng như nguyên đơn trình bày, mục đích vợ chồng vay là để trả nợ Ngân hàng, khi vay có đưa anh H giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng như anh H trình bày. Do khi trả nợ xong cho Ngân hàng, vợ chồng có mượn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa cho anh H giữ để vay Ngân hàng lại nhằm mục đích trả số tiền vay cho anh H nhưng anh H không cho, nên vợ chồng chưa trả được nợ và lãi suất cho anh H. Nay đồng ý vợ chồng liên đới trả số nợ trên cho anh H và yêu cầu anh H phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng mà anh H đang giữ.

Anh Phạm Văn A vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NB ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nB thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh H cho rằng quyền lợi của anh bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa anh với vợ chồng chị B, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh H có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh H là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh A đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh A.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận vợ chồng có vay của anh H số tiền 136.000.000 đồng như anh H yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Phía bị đơn chị B cho rằng mục đích vợ chồng chị vay tiền là để trả nợ chung

của vợ chồng cho Ngân hàng, vợ chồng chị cũng đồng ý trả cho anh H. Đây là ý chí tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên ghi nB.

[2] Quá trình vợ chồng chị B vay tiền thì vợ chồng chị có đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng chị cho anh H giữ, tại phiên tòa anh H tự nguyện giao trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng chị B, nên ghi nB.

[3] chị B, anh A vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466 Bộ luật dA sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhA và gia đình.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Vũ H. Buộc chị Bùi Thị B, anh Phạm Văn A liên đới trả cho anh Võ Vũ H số tiền 136.000.000 đồng. Ghi nhận anh H không yêu cầu tính lãi. Anh H có nghĩa vụ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị B anh A cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00107 của thửa đất số 239 tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã TA Hội, huyện M do vợ chồng anh A, chị B cùng đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00028 của thửa đất 147 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Vĩnh Khánh, xã An Thạnh do anh A đứng tên quyền sử dụng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh H, nếu chị B, anh A chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị HA, anh A liên đới phải chịu 6.800.000 đồng. Hoàn trả cho anh H số tiền tạm ứng án phí 3.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000509 ngày 02/4/2011 của Chi cục thi hành án dA sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nB:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong

